CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP May Sông Hồng

Ngày 30/09/2024	47,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.6%	**-5.5%**	**8.2%**

DT thuần
Q3/24
1,748
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 415| 31.2%
YoY: ▲ 542| 45.0%

LN thuần
Q3/24
167
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 55.0| 49.2%
YoY: ▲ 99.3| 147%

LN sau thuế
Q3/24
130
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.3| 41.9%
YoY: ▲ 78.8| 154%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
9.7%
YoY: +/-▼ 0.0%

ROE (TTM)
Q3/24
17.2%
YoY: +/-▲ 3.3%

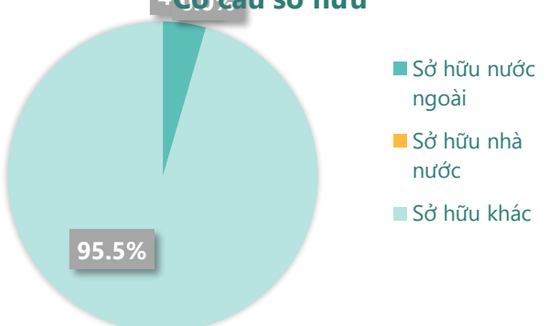
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	31,401 - 52,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,526
Số lượng CPLH (CP)	75,014,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	93,880
Sở hữu nước ngoài	4.5%
Beta	0.99
EPS	4,668
P/E	10.1

DT thuần
9T 2024
3,852
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 467| 13.8%

LN thuần
9T 2024
342
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 138| 67.4%

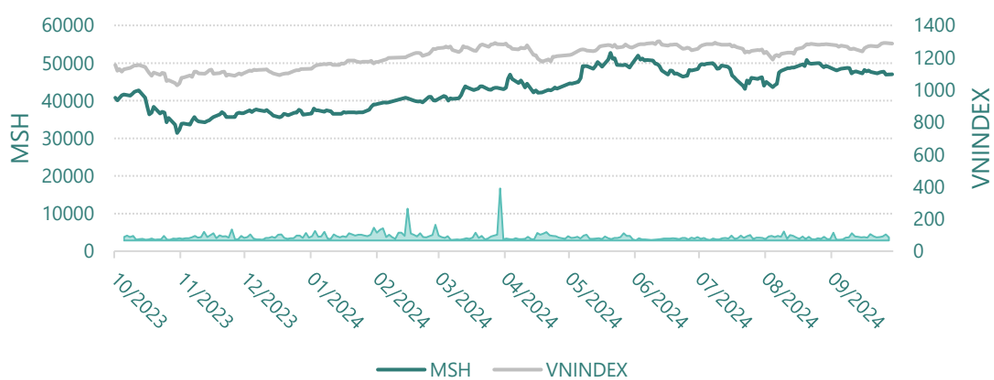
LN sau thuế
9T 2024
270
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 106| 64.4%

Cơ cấu sở hữu

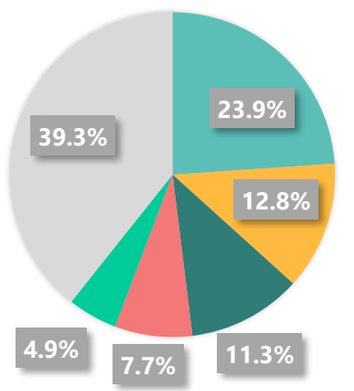


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



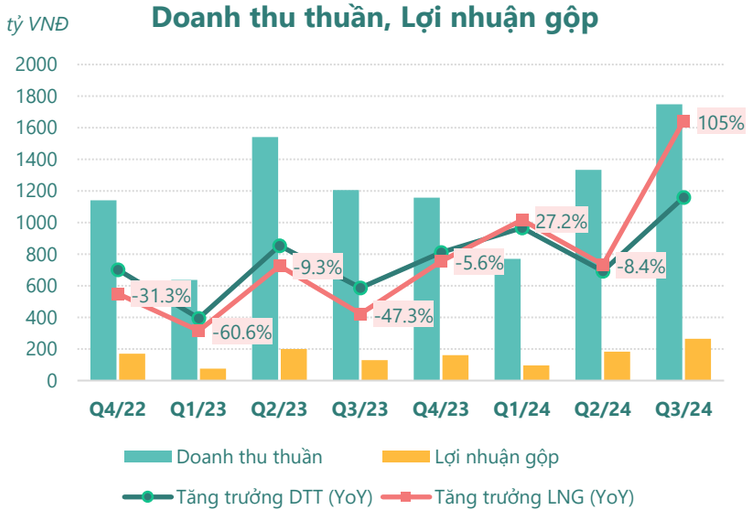
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

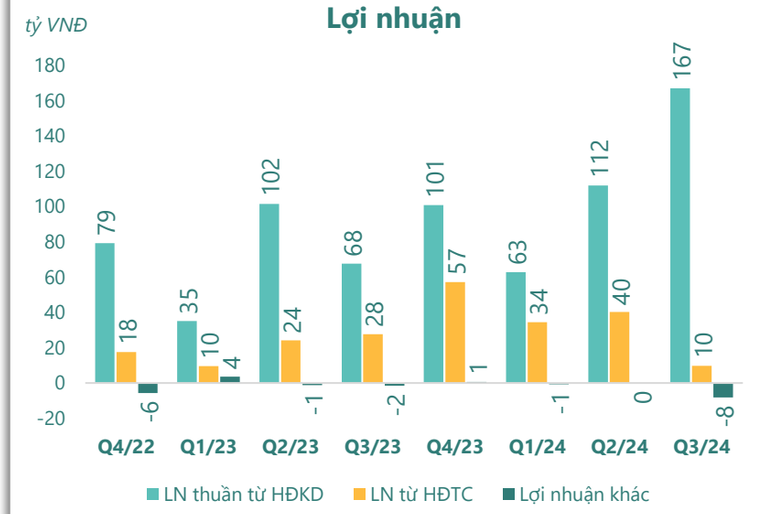
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



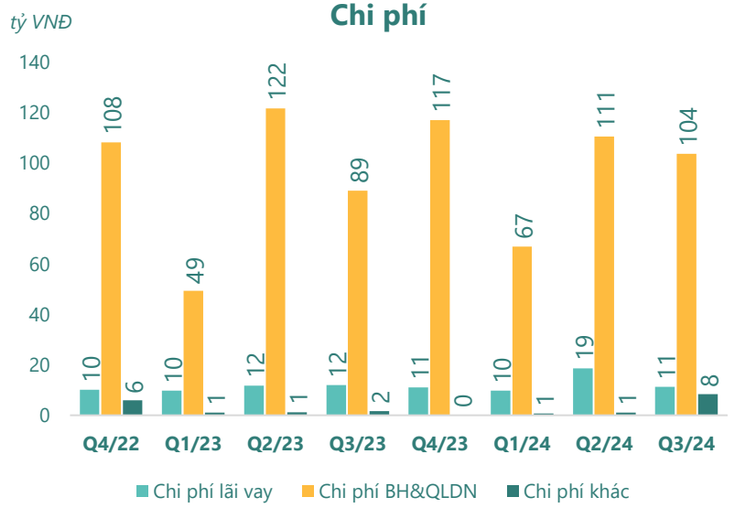
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



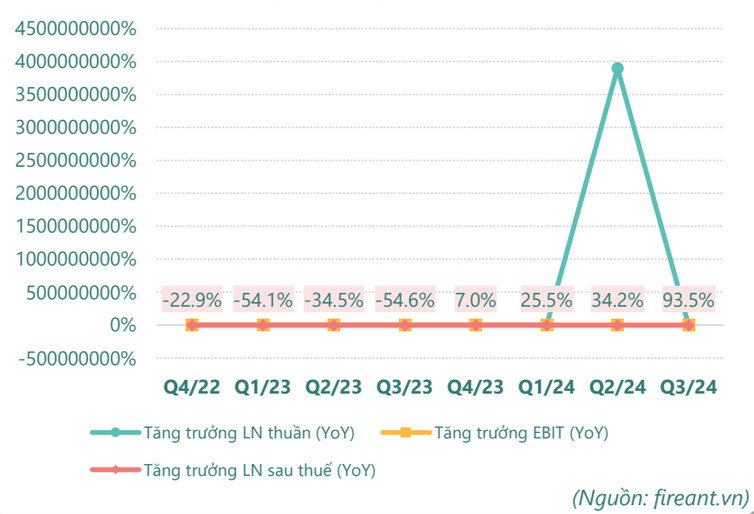
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



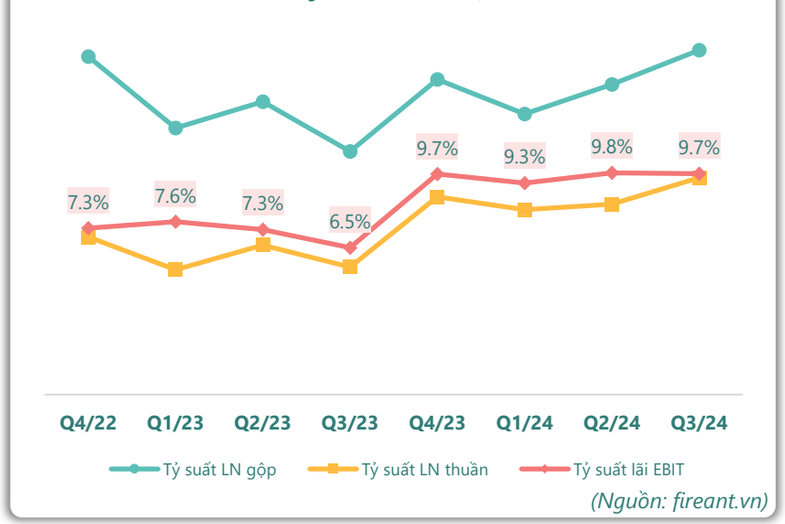
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



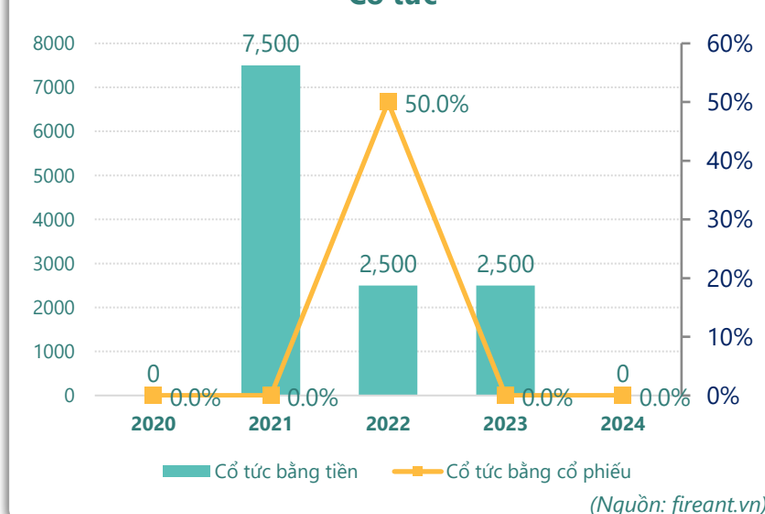
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

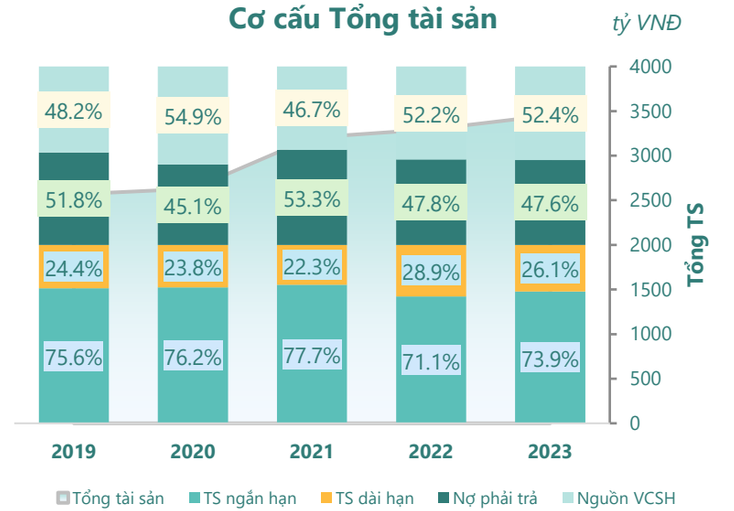
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

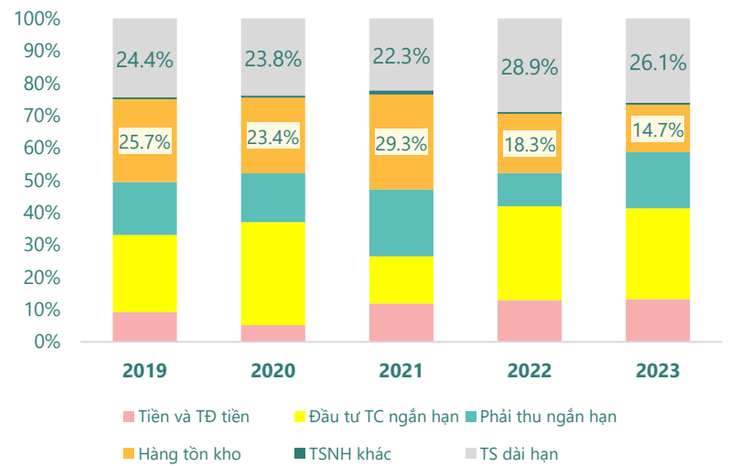
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



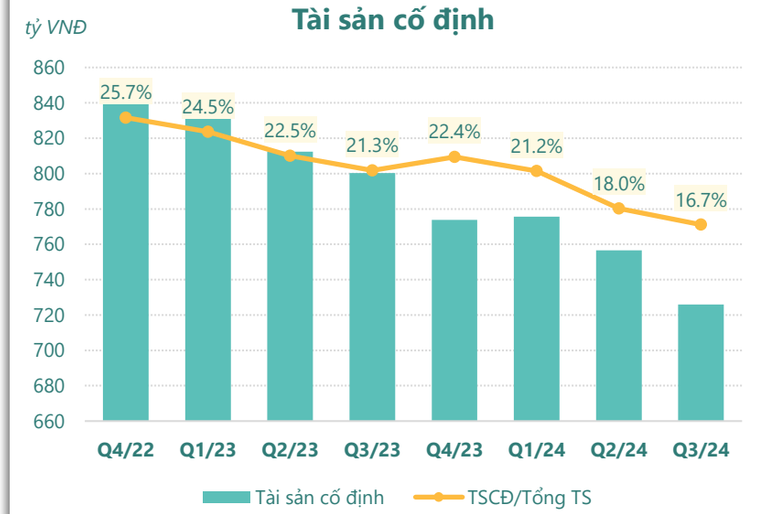
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



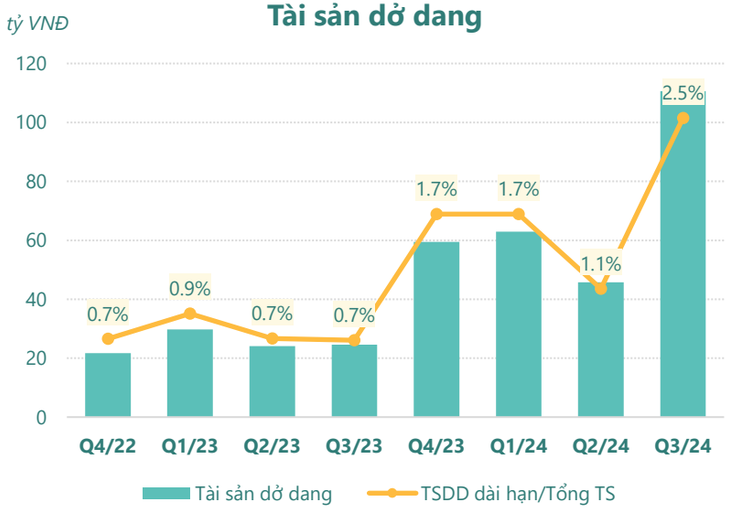
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



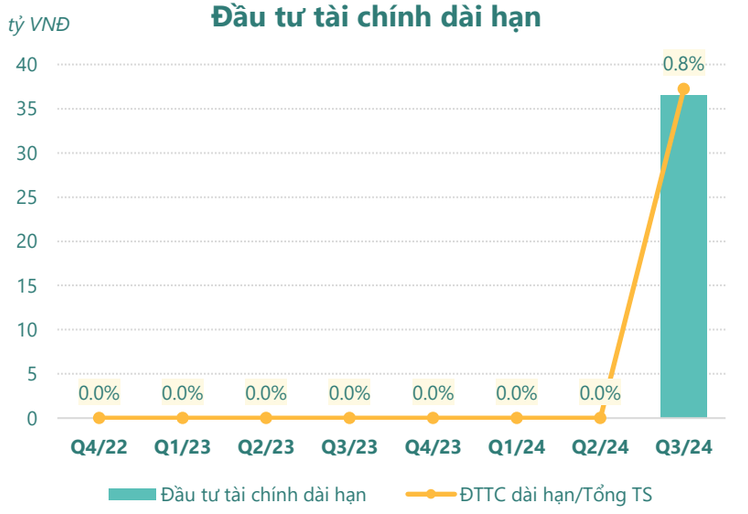
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



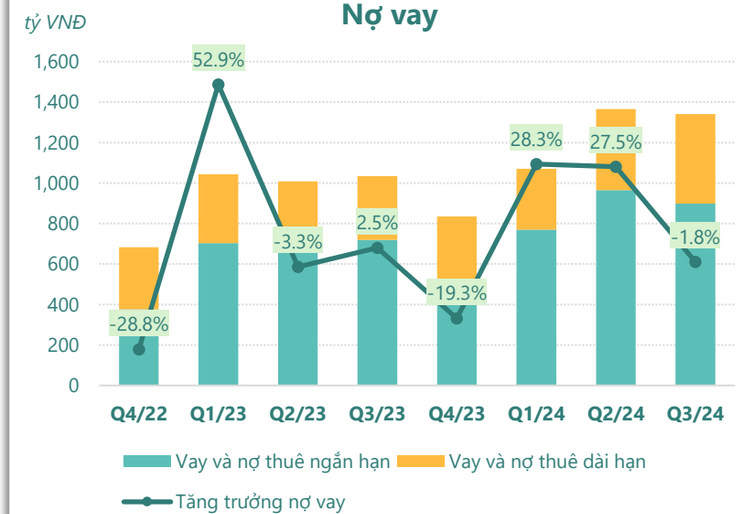
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

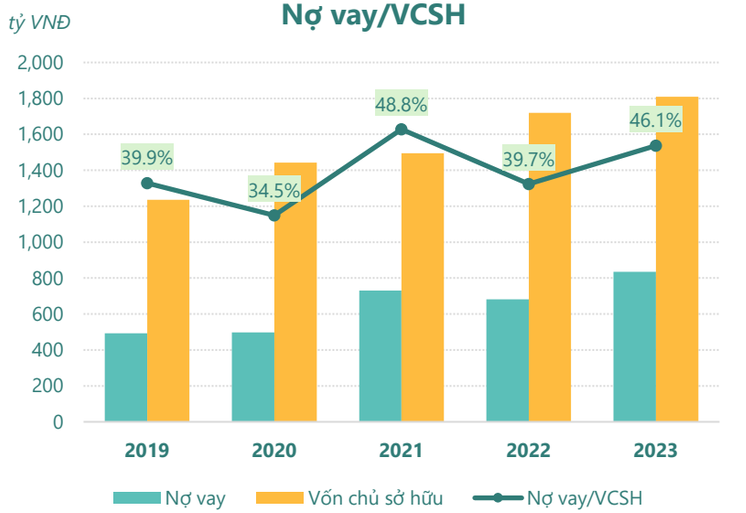
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

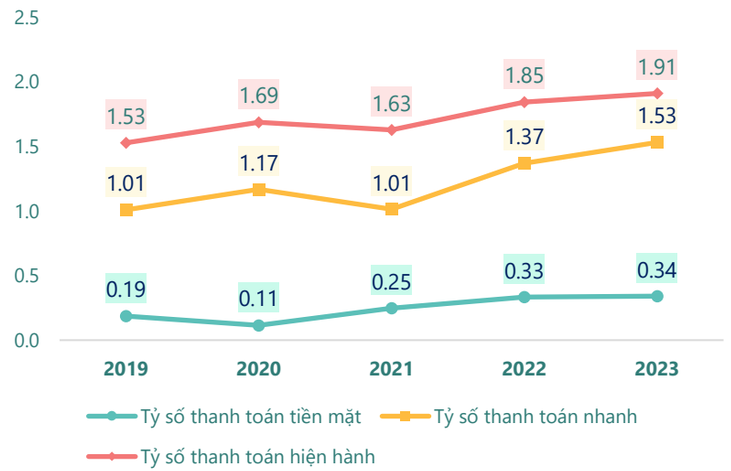
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



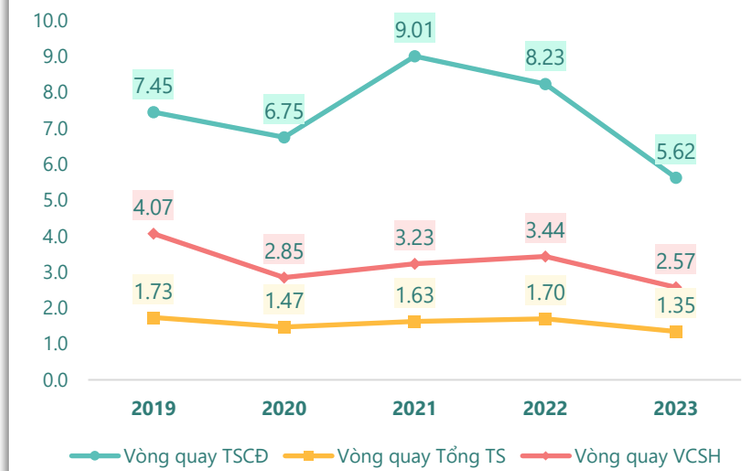
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



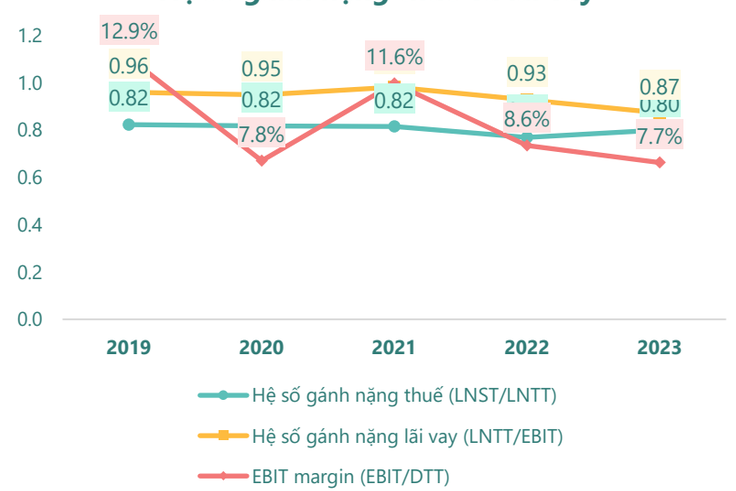
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



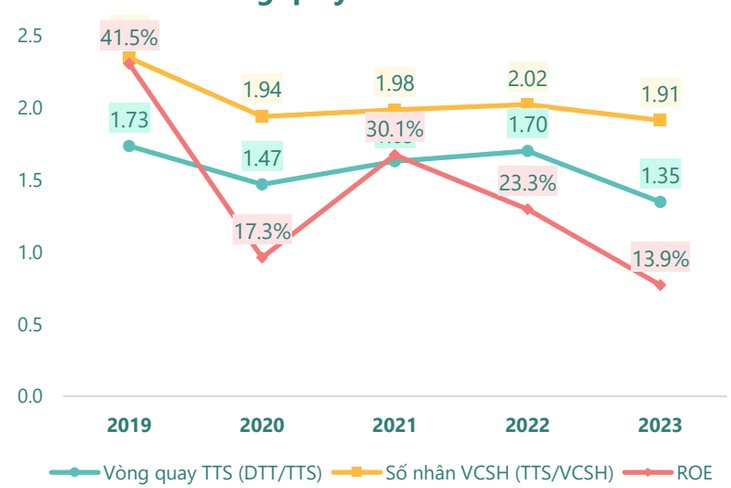
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



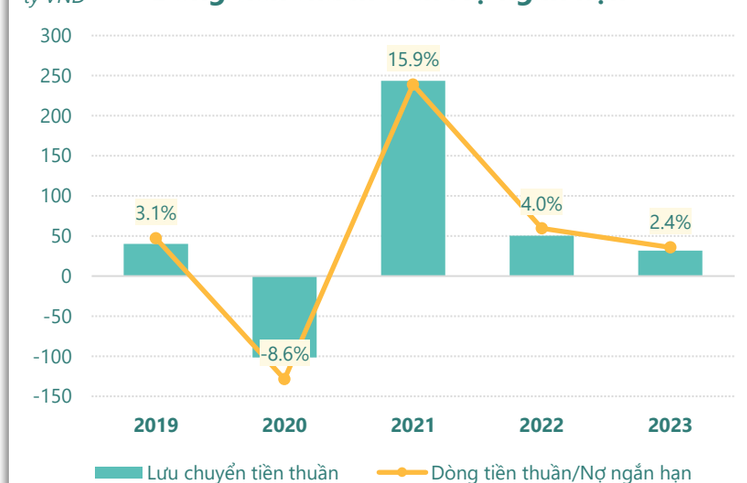
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,748**	**1,206**	**45.0%**	**3,852**	**3,385**	**13.8%**
Giá vốn hàng bán	1,483	1,077	37.7%	3,309	2,982	11.0%
Lợi nhuận gộp	266	129	106%	543	403	34.7%
Doanh thu HĐTC	43.0	51.6	-16.6%	147	122	20.6%
Chi phí TC	33.3	24.0	38.6%	62.9	60.9	3.3%
Chi phí lãi vay	11.3	12.0	-5.6%	39.7	33.5	18.4%
LN trong công ty LKLD	**-4.28**	**0.00**		**-4.28**	**0**	
Chi phí bán hàng	43.3	43.2	0.3%	103	110	-5.9%
Chi phí QLDN	**60.5**	**45.9**	**31.8%**	**178**	**150**	**18.3%**
LN thuần từ HĐKD	167	67.7	147%	342	204	67.4%
Lợi nhuận khác	**-8.13**	**-1.58**	**-415%**	**-9.10**	**0.89**	**-1123%**
LN trước thuế	159	66.1	141%	333	205	62.2%
Lợi nhuận sau thuế	**130**	**51.2**	**154%**	**270**	**164**	**64.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**130**	**51.2**	**154%**	**269**	**162**	**66.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	340	114	110	-303	-608	361
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.3	-124	32.5	-191	545	-356
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.61	16.9	-177	302	407	47.4
Tiền đầu kỳ	162	483	490	455	263	607
Lưu chuyển tiền thuần	**321**	**7.23**	**-34.5**	**-192**	**344**	**52.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.13	-0.05	-0.31	0.05	-0.03	-0.35
Tiền cuối kỳ	483	490	455	263	607	660

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,357**	**3,453**	**26.2%**
Tài sản ngắn hạn	3,412	2,553	33.7%
Tiền và tương đương tiền	660	455	44.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	907	971	-6.6%
Phải thu ngắn hạn	1,101	598	84.0%
Hàng tồn kho	702	507	38.5%
Tài sản ngắn hạn khác	43.1	21.6	99.8%
Tài sản dài hạn	**945**	**900**	**4.9%**
Phải thu dài hạn	40.0	21.4	87.1%
Tài sản cố định	726	774	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	111	59.5	85.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	36.5	0	
Tài sản dài hạn khác	**31.7**	**45.8**	**-30.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,212	1,643	34.6%
Nợ ngắn hạn	**1,769**	**1,335**	**32.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	899	527	70.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	119	123	-3.7%
Nợ dài hạn	442	308	43.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	442	308	43.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,145**	**1,810**	**18.5%**
Vốn chủ sở hữu	**2,145**	**1,810**	**18.5%**
Vốn điều lệ	750	750	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)